

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2025/DS-PT

Ngày: 09.7.2025

V/v “Tranh chấp vay tài sản tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Bà Phan Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 107/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 298/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Hứa Quốc K, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Số B, chợ A, khu V, phường B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn L – Công ty L1 thuộc đoàn luật sư thành phố C (có mặt).

-Bị đơn:

1. Ông Lê Việt B, sinh năm: 1984.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1986. Cùng địa chỉ: Số A, hẻm I, tổ B, P, phường C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: Ông Trương Vĩnh P, sinh năm 2001. Địa chỉ: A, đường C, phường B, thành phố Cần Thơ (có mặt).

-Người kháng cáo: ông Lê Việt B và bà Nguyễn Thị Hồng T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn ông Hứa Quốc K trình bày nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Vào ngày 12/3/2020 ông có thỏa thuận cho vợ chồng ông Lê Việt B, bà Nguyễn Thị Hồng T vay số tiền 1.830.000.000 đồng, việc vay có làm biên nhận mượn tiền, vay không kỳ hạn, có thỏa thuận với nhau lãi hàng tháng là 23.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên từ khi vay đến nay không trả gốc, lãi theo thỏa thuận, mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu buộc ông Lê Việt B, bà Nguyễn Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả lại số nợ gốc là 1.830.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 12/3/2020 đến ngày khởi kiện là 48 tháng x 23.000.000 đồng = 1.104.000.000 đồng (Một tỷ, một trăm lẻ bốn triệu đồng); Tổng cộng gốc, lãi là 2.934.000.000 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi xét xử sơ thẩm.

*Trước yêu cầu khởi kiện của ông K, ông B, bà T lần lượt có ý kiến như sau: Trước đây do chỗ quen biết ông và ông K có hợp tác làm ăn. Nhưng do tình hình dịch bệnh nên việc làm ăn không thuận lợi dẫn đến việc thua lỗ. Do thua lỗ trong việc làm ăn nên ông K yêu cầu ông và vợ là bà Nguyễn Thị Hồng T ký giấy mượn tiền ngày 12/3/2020 nội dung biên nhận như ông K cung cấp, sau khi ký giấy mượn tiền trên thì ông và bà T không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông K. Nay ông K khởi kiện yêu cầu ông và bà T phải trả số tiền vốn 1.830.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 1.104.000.000 đồng thì ông bà không đồng ý, do ông bà không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông K.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1) xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hứa Quốc K. Buộc bị đơn ông Lê Việt B, bà Nguyễn Thị Hồng T phải có trách nhiệm trả cho ông Hứa Quốc K số tiền nợ gốc 1.830.000.000 đồng và nợ lãi 1.352.400.000 đồng. Tổng cộng gốc, lãi là 3.182.400.000 đồng (Ba tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận;

2. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 17 tháng 02 năm 2025 bị đơn ông B và bà Hồng T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông K.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo.
 - Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền, không phải tiền hùn làm ăn, bị đơn không có chứng cứ chứng minh làm ăn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ

thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền có ký nhận, có thỏa thuận trả lãi cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Việc vắng mặt bị đơn nhưng có người đại diện nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của các bị đơn:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: phía bị đơn thừa nhận số tiền trong biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là tiền bị đơn làm ăn thua lỗ nguyên đơn yêu cầu bị đơn viết và ký nhưng nguyên đơn không thừa nhận có làm ăn hùn vốn với bị đơn, bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh mình có làm ăn với nguyên đơn như hợp đồng góp vốn làm ăn hay hợp đồng hợp tác kinh doanh, do đó, không có căn cứ xác định số tiền 1.830.000.000 đồng trong biên nhận nợ là tiền làm ăn mà là tiền bị đơn vay của nguyên đơn. Bị đơn cho rằng không có nhận tiền, nhưng trong biên nhận bị đơn ghi rõ: Con hứa sẽ trả lại cho cô dưỡng sớm nhất có thể và cam kết trả lãi tiếp Ngân hàng cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là có căn cứ chấp nhận, kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi: Xét biên nhận, phía bị đơn ông B hứa đóng lãi tiếp ngân hàng hàng tháng cho nguyên đơn, do đó, đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, nên tính lãi từ ngày 12/3/2020 là có căn cứ. Về mức lãi suất các bên có thỏa thuận 23.000.000 đồng/tháng tương đương 1,256%/tháng, tính ra 15.07%/năm là phù hợp tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, có lợi cho bị đơn nên kháng cáo của bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm tính lãi sai là không có căn cứ chấp nhận. Phía bị đơn bà T cho rằng bà không có nghĩa vụ liên đới trả lãi cùng ông B, thấy rằng, đây là nợ chung nên việc trả lãi phải cùng liên đới trả, do đó, kháng cáo của bà T về yêu cầu không chấp nhận trả lãi là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng nên giữ nguyên. Lời trình bày của Luật sư là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về phần án phí:

[4.1] Sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định.

[4.2] Phúc thẩm: Bị đơn ông B, bà Hồng T kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:**

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lê Việt B, bà Nguyễn Thị Hồng T.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2025/DS-ST ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ).

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông B, bà T phải chịu 600.000 đồng, được trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005718, 0005719 ngày 20/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- THADS TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh